TÒA ÁN NHA DA **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2021/DS-ST
Ngày: 21/01/2021
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng dA sự góp hụi"*

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DA HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình

Các Hội thẩm nhA dA: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh, thư ký Tòa án nhA dA huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án Toà án nhA dA huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dA sự thụ lý số: 166/2020/TLST - DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dA sự góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXXST - DS ngày 09/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST - DS ngày 05/01/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Ngô Mỹ Ng, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số nhà 891, ấp K Q B, xã V Kh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Có mặt*)

* *Bị đơn*: Chị Nguyễn Kim B, sinh năm: 1988 (*Có mặt*)

Anh Trần Văn A, sinh năm: 1985 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp M G, xã V K Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Mỹ Ng trình bày và yêu cầu như sau*: Từ năm 2016, bà Ng có làm chủ các dây hụi tháng, mỗi tháng xổ 01 lần. Vợ chồng chị B và anh A có tham gia góp hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng/chưng; áp ngày 19/01/2016 âm lịch, mãn hụi vào cuối năm 2017; dây hụi có 25 chưng, chị B tham gia 02 chưng. Chị B và

anh A đã hốt hết 02 chưng hụi nói trên, chưng thứ nhất hốt hụi vào ngày 19/01/2016 với số tiền là 31.340.000 đồng và chưng thứ hai hốt hụi vào ngày 19/5/2016 với số tiền là 33.500.000 đồng. Sau khi hốt 02 chưng hụi thì chị B đóng hụi chết lại không đầy đủ. Tính đến ngày mãn hụi thì chị B còn nợ lại (*02 chưng x 2.000.000 đồng/chưng x 5 lần*) với số tiền là 20.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng/chưng; áp ngày 09/10/2016 âm lịch, mãn hụi vào tháng 8/2019; dây hụi có 32 chưng, chị B tham gia 01 chưng. Chị B và anh A đã hốt chưng hụi nói trên vào ngày 09/11/2016 với số tiền là 21.340.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì chị B đóng hụi chết lại không đầy đủ. Tính đến ngày mãn hụi thì chị B còn nợ lại (*01 chưng x 1.000.000 đồng/chưng x 15 lần*) với số tiền là 15.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng/chưng; áp ngày 29/01/2017 âm lịch, mãn vào tháng 8/2018; dây hụi có 20 chưng, chị B tham gia 01 chưng. Chị B và anh A đã hốt chưng hụi nói trên vào ngày 29/01/2017 với số tiền là 25.650.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì chị B đóng hụi chết lại không đầy đủ. Tính đến ngày mãn hụi thì chị B còn nợ lại (*01 chưng x 2.000.000 đồng/chưng x 14 lần*) với số tiền là 28.000.000 đồng.

Đến ngày 14/6/2018, chị B có viết cho bà Ng 01 tờ biên nhận chốt số tiền hụi chết vợ chồng chị B còn nợ lại bà Ng tổng cộng là 63.000.000 đồng. Đồng thời hứa làm có tiền bao nhiêu thì trả cho bà Ng bấy nhiêu. Nhưng đến nay anh chị không thực hiện việc trả nợ cho bà Ng như đã hứa. Do đó, bà Ng yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Kim B và anh Trần Văn A phải trả cho bà 01 lần số tiền hụi còn nợ lại là 63.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Kim B trình bày và yêu cầu như sau*: Chị B xác nhận, vợ chồng chị còn nợ tiền hụi chết của bà Ng với số tiền là 63.000.000 đồng như bà Ng trình bày và có viết biên nhận ngày 14/6/2018 cho bà Ng là đúng. Sau khi viết biên nhận cho bà Ng thì vợ chồng chị B có gửi trả cho bà Ng được 03 lần với số tiền là 12.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Sau thời gian viết biên nhận cho bà Ng khoảng gần 01 tháng chị B trực tiếp đưa cho bà Ng số tiền 4.000.000 đồng. Không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến việc trả số tiền này.

- Lần 2: Chị B đưa số tiền 4.000.000 đồng cho bà Út H để nhờ bà Út H đưa trả cho bà Ng (*mục đích là trả cho số vàng trước đây bà Ng hỏi vay dùm vợ chồng chị*).

- Lần 3: Vợ chồng chị trực tiếp đưa cho bà Ng số tiền 4.000.000 đồng (*để trả cho số vàng trước đây bà Ng hỏi vay dùm vợ chồng chị*).

Do đó, số tiền vợ chồng chị còn nợ bà Ng đến thời điểm bà Ng khởi kiện là 59.000.000 đồng. Vợ chồng chị xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn A trình bày và yêu cầu như sau*: Anh A thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị B, không ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa:

- *Bà Ng*: Yêu cầu vợ chồng chị B, anh A phải trả 01 lần số tiền hụi còn nợ là 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*).

- *Chị B*: Xác nhận và đồng ý trả cho bà Ng số tiền hụi chết còn lại là 63.000.000 đồng, vợ chồng chị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, nếu có tiền sẽ trả cho bà Ng nhiều hơn.

- *Anh A*: Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm*:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dA sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 20, Điều 25 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 471 Bộ luật dA sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015. Yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Mỹ Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Kim B và anh Trần Văn A (*có nơi cư trú tại ấp M G, xã V Kh Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*".

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng anh A có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Từ năm 2016 cho đến tháng 01/2017 âm lịch, bà Ng có làm chủ các dây hụi tháng, vợ chồng chị B và anh A có tham gia góp hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi áp ngày 19/01/2016 âm lịch, mãn hụi vào cuối năm 2017; dây hụi có 25 chưng, mỗi chưng/2.000.000 đồng/tháng, chị B tham gia 02 chưng. Chị B và anh A đã hốt hết 02 chưng hụi nói trên. Tính đến ngày mãn hụi thì chị B còn nợ lại 05 lần với số tiền là 20.000.000 đồng.

- Dây hụi áp ngày 09/10/2016 âm lịch, mãn hụi vào tháng 8/2019; dây hụi có 32 chưng, mỗi chưng/1.000.000 đồng/tháng, chị B tham gia 01 chưng. Chị B và anh A đã hốt chưng hụi nói trên. Tính đến ngày mãn hụi thì chị B còn nợ lại 15 lần với số tiền là 15.000.000 đồng.

- Dây hụi áp ngày 29/01/2017 âm lịch, mãn vào tháng 8/2018; dây hụi có 20 chưng, mỗi chưng/2.000.000 đồng/tháng, chị B tham gia 01 chưng. Chị B và anh A đã hốt chưng hụi nói trên. Tính đến ngày mãn hụi thì chị B còn nợ lại 14 lần với số tiền là 28.000.000 đồng.

Đến ngày 14/6/2018, chị B có viết cho bà Ng 01 tờ biên nhận chốt số tiền hụi chết vợ chồng chị B còn nợ lại bà Ng tổng cộng là 63.000.000 đồng. Đồng thời, hứa làm có tiền bao nhiêu thì trả cho bà Ng bấy nhiêu. Nhưng đến nay anh chị không thực hiện việc trả nợ cho bà Ng như đã hứa. Do đó, bà Ng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị B và anh A phải trả cho bà 01 lần số tiền hụi còn nợ lại là 63.000.000 đồng.

2.1 Xét yêu cầu của bà Ng về việc yêu cầu chị B và anh A trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 63.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết, các lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà nguyên đơn cung cấp cho thấy, chị B và anh A có tham gia góp hụi và sau khi hốt hụi thì anh chị còn nợ bà Ng tiền hụi đến nay chưa trả là sự thật. Theo chứng cứ mà bà Ng cung cấp đã được chị B và anh A thừa nhận tại thời điểm viết giấy nhận nợ vợ chồng anh A, chị B còn nợ bà Ng số tiền hụi chết 63.000.000 đồng là đúng. Đây thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dA sự nên bà Ng không phải chứng minh cho yêu cầu của mình.

2.2 Xét lời khai nại của chị B và anh A cho rằng sau khi viết giấy nhận nợ ngày 14/6/2018 thì anh chị đã trả cho bà Ng được 4.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ số tiền là 59.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, anh chị không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc anh chị có trả cho bà Ng được số tiền nói trên. Nhưng tại phiên tòa, chị B thừa nhận và đồng ý trả cho bà Ng số tiền 63.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Ng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, nếu có tiền sẽ trả thêm cho bà Ng. HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả dần của chị B và anh A là kéo dài thêm thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Ng và tại phiên tòa bà Ng không đồng ý theo cách trả nợ này. Đồng thời, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên yêu cầu này HĐXX không có cơ sở xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc vợ chồng chị B, anh A có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền hụi còn nợ lại là 63.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Chị B và anh A phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Ng (*63.000.000 đồng x5%)* là 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Yêu cầu của bà Ng chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà Ng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 20, Điều 25 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc chị Nguyễn Kim B và anh Trần Văn A trả cho bà Ngô Mỹ Ng số tiền hụi còn nợ là 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu chị B và anh A không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh chị còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Nguyễn Kim B và anh Trần Văn A phải chịu án phí số tiền là 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bà Ngô Mỹ Ng số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.575.000 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006054 ngày 16/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 21/01/2021*).

Riêng anh Trần Văn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình